CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 28/06/2024	16,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	**13.8%**	**39.1%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,228 - 18,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,995
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.02
EPS	5,237
P/E	3.2

DT thuần
Q2/24
0.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.39| -40.6%
YoY: ▼15.6| -96.4%

LN thuần
Q2/24
0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.08| 14.1%
YoY: ▲ 3.01| 128%

LN sau thuế
Q2/24
0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 151%
YoY: ▲ 3.05| 121%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
113%
YoY: +/-▲ 85.6%

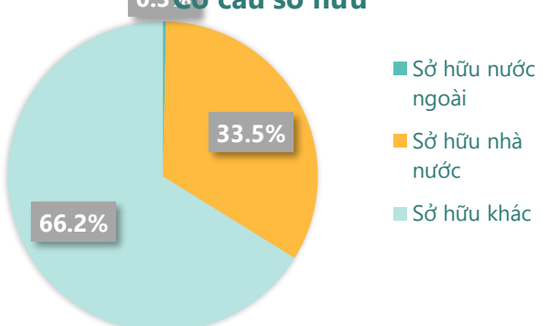
ROE (TTM)
Q2/24
28.9%
YoY: +/-▲ 3.7%

DT thuần
6T 2024
1.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.3| -95.1%

LN thuần
6T 2024
1.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.48| 129%

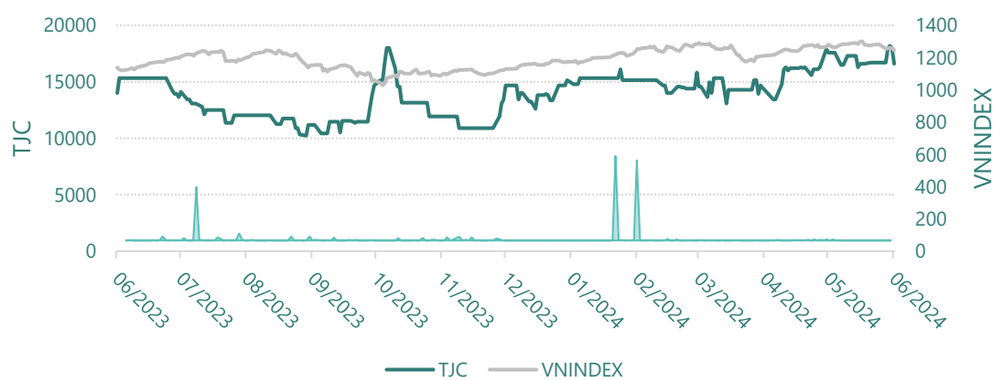
LN sau thuế
6T 2024
0.74
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.01| 117%

Cơ cấu sở hữu

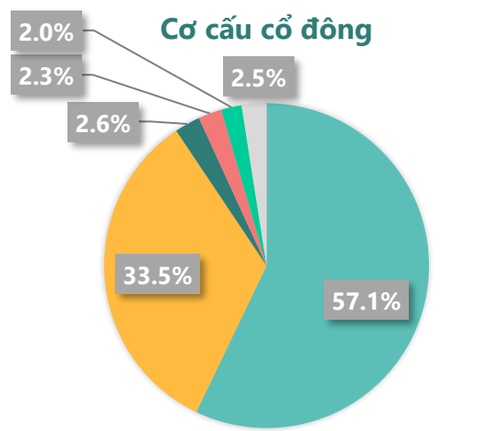


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

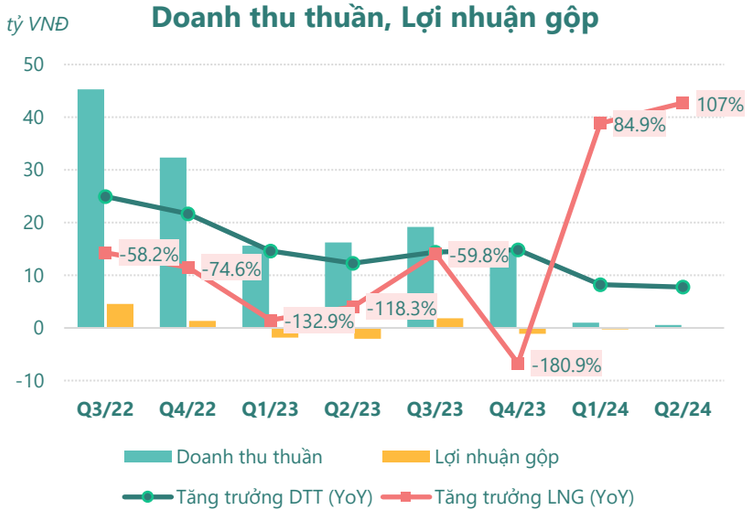


- CTCP Transimex
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- CTCP Đầu tư Toàn Việt
- CTCP Quản lý Quỹ đầu tư MB
- Lê Tất Hưng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

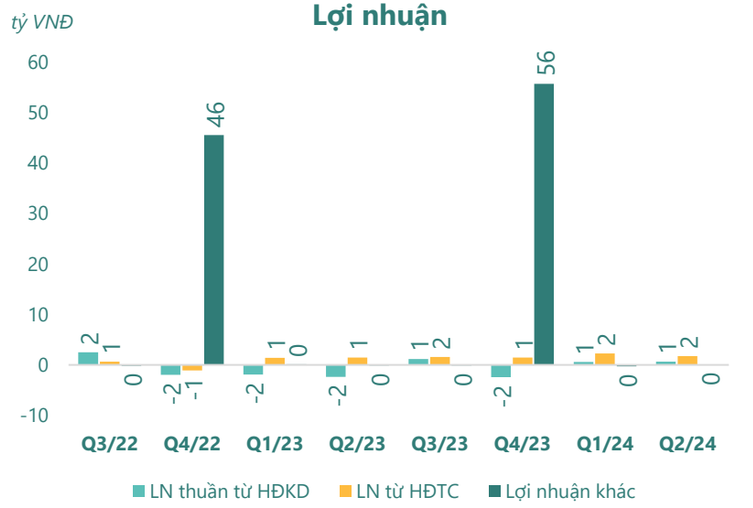
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



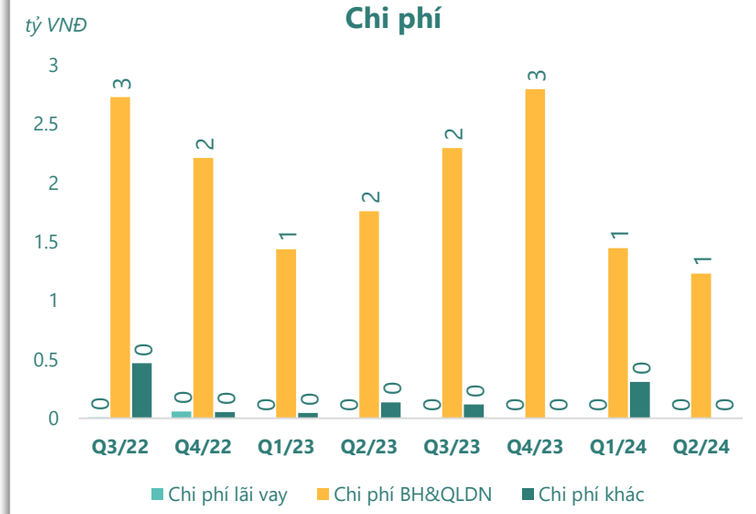
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



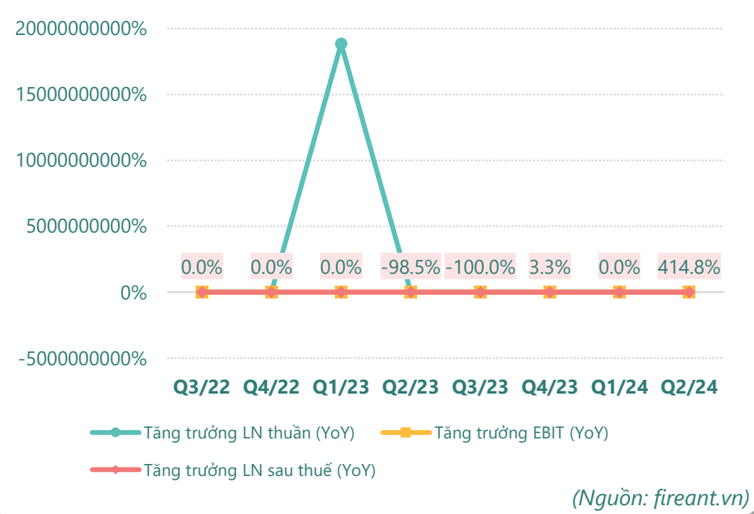
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



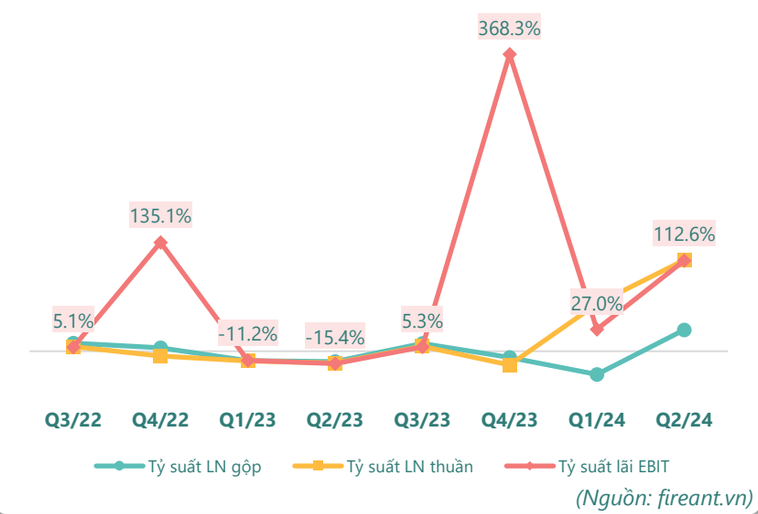
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



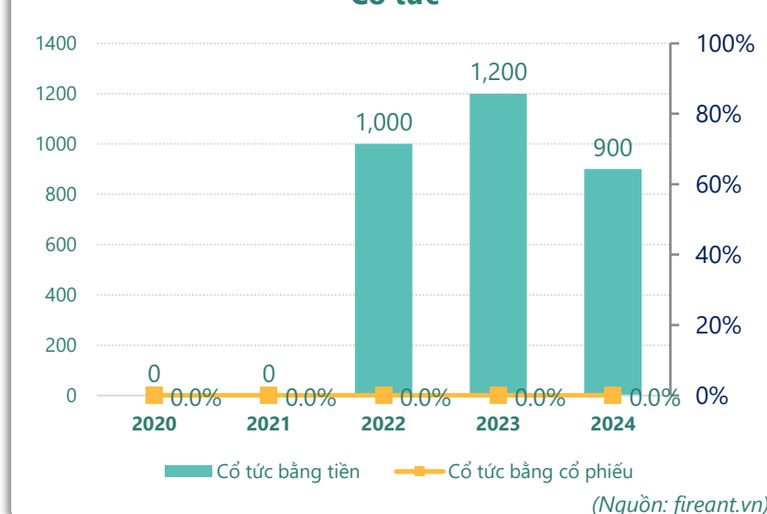
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

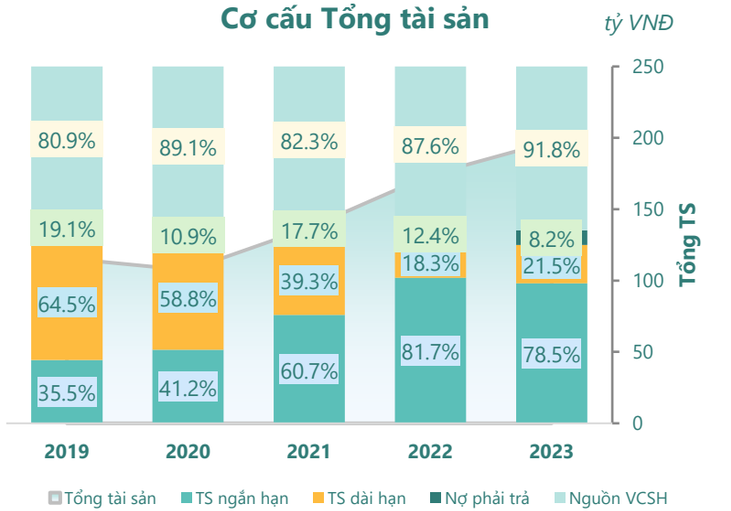
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

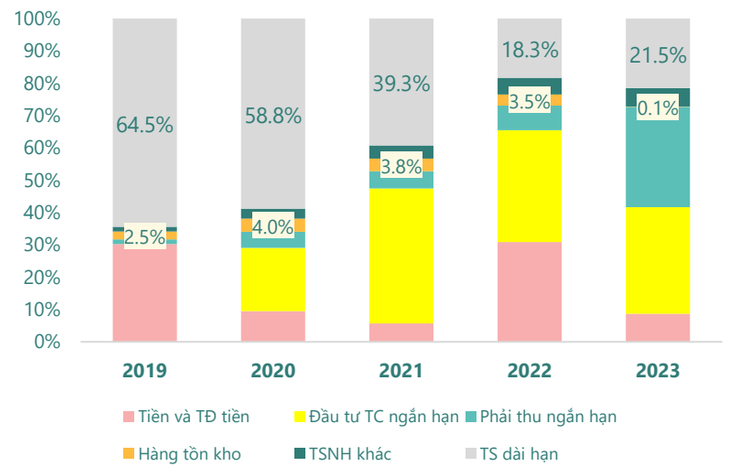
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



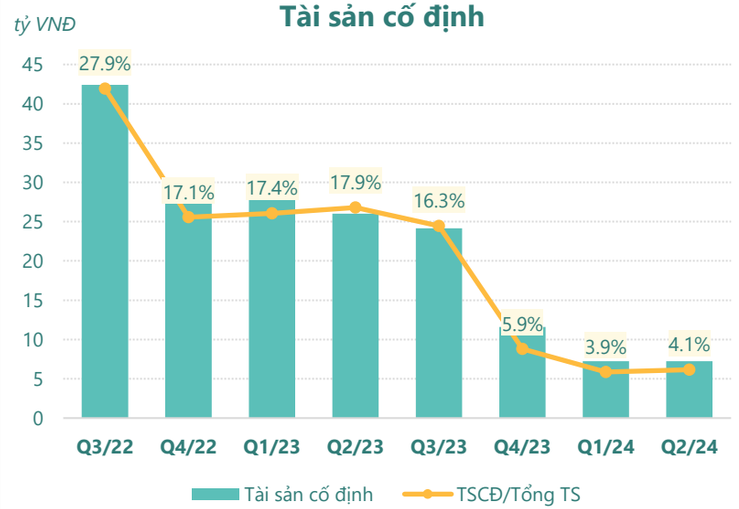
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



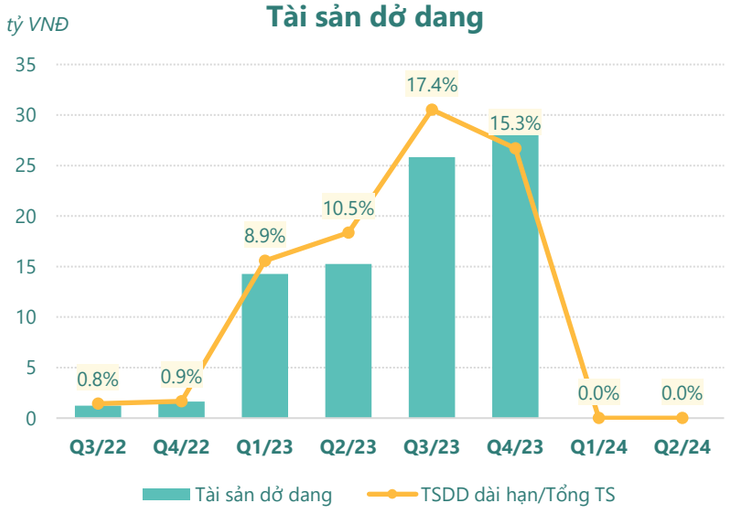
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



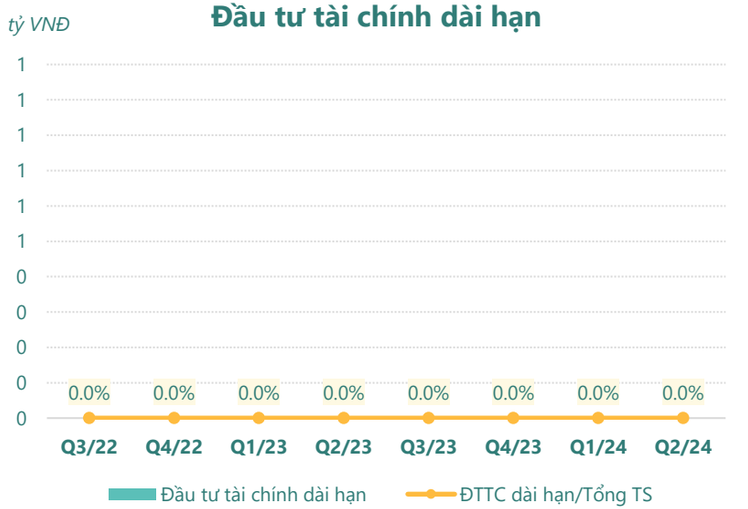
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



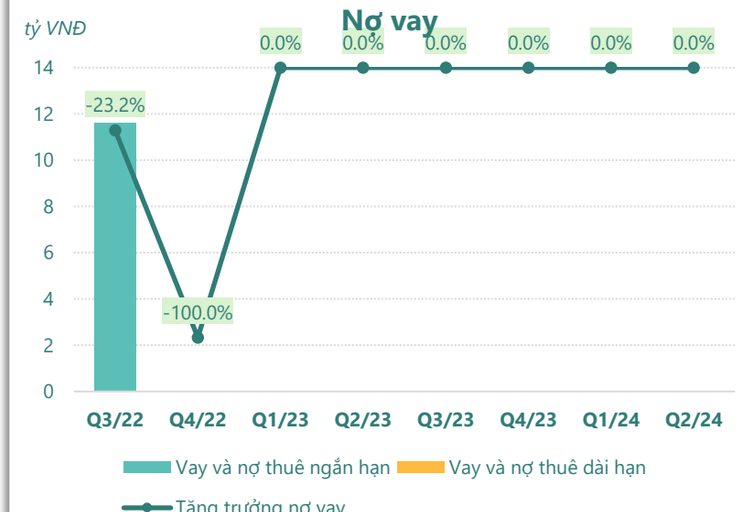
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

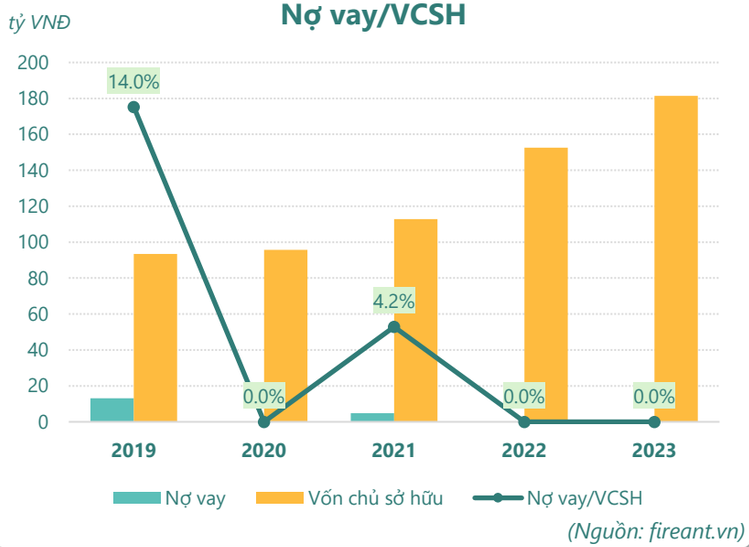
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

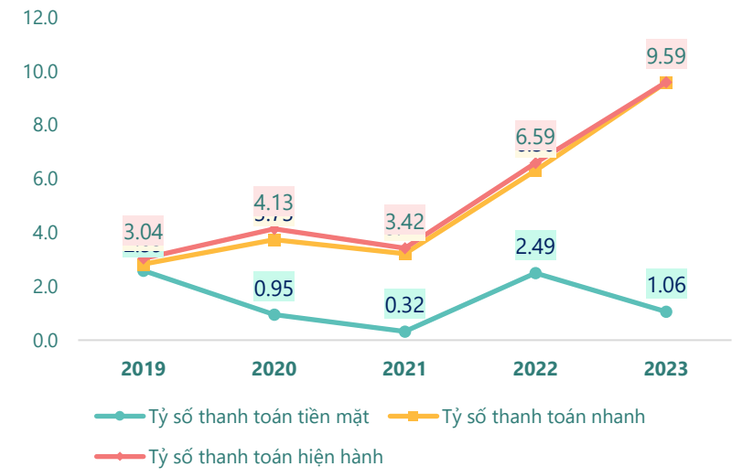
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



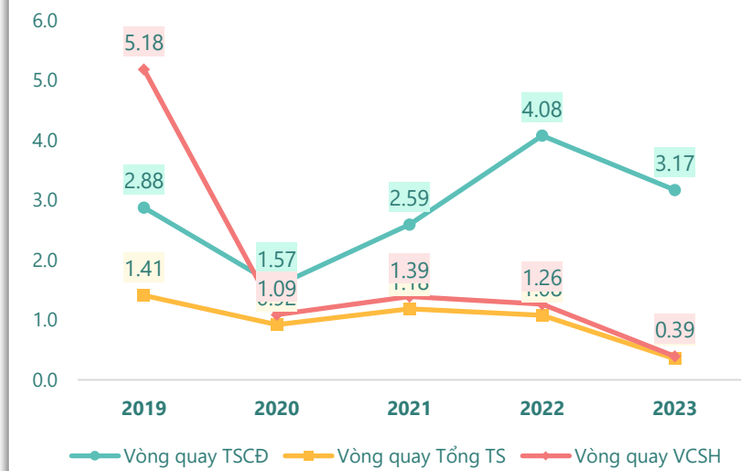
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



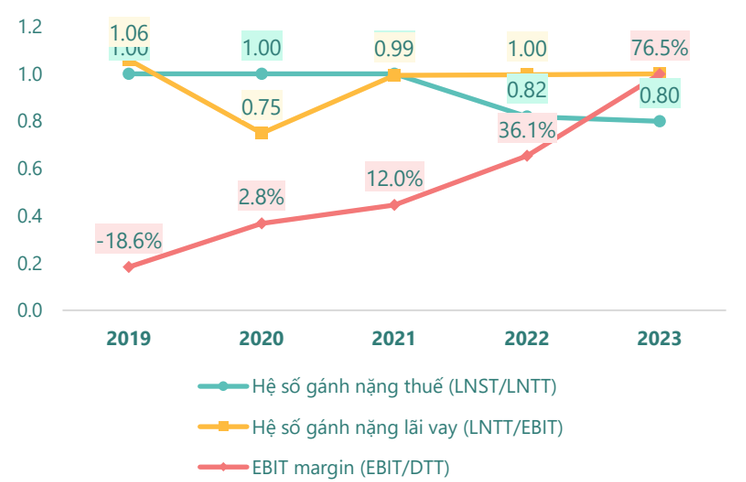
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



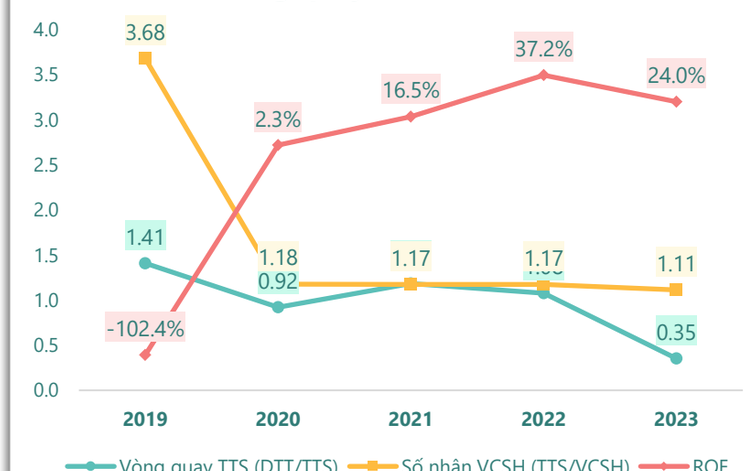
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



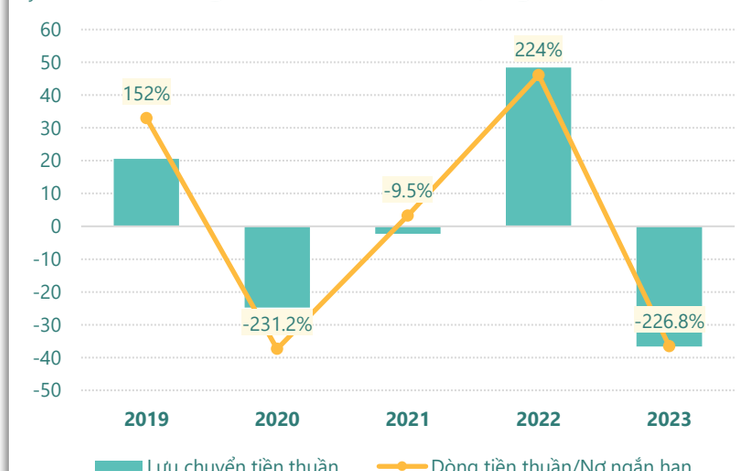
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.58**	**16.2**	**-96.4%**	**1.55**	**31.8**	**-95.1%**
Giá vốn hàng bán	0.42	18.3	-97.7%	1.68	35.7	-95.3%
Lợi nhuận gộp	0.15	-2.06	107%	-0.13	-3.91	96.7%
Doanh thu HĐTC	1.73	1.47	17.5%	4.02	2.88	39.7%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.03	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.34	-100%	0	0.44	-100%
Chi phí QLDN	**1.23**	**1.42**	**-13.4%**	**2.68**	**2.76**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.65	-2.36	128%	1.22	-4.26	129%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.14**	**98.5%**	**-0.31**	**0.01**	**-3731%**
LN trước thuế	0.65	-2.50	126%	0.91	-4.25	121%
Lợi nhuận sau thuế	**0.53**	**-2.52**	**121%**	**0.74**	**-4.27**	**117%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.53**	**-2.52**	**121%**	**0.74**	**-4.27**	**117%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.6	-2.16	1.68	0	-10.2	-0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.42	-0.49	-8.12	0	1.32	3.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-10.3	0	0	0	-7.74
Tiền đầu kỳ	53.8	35.7	22.8	0	17.1	8.24
Lưu chuyển tiền thuần	**-18.0**	**-13.0**	**-6.44**	**0**	**-8.90**	**-4.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0	0	0	0.06
Tiền cuối kỳ	35.7	22.8	16.4	0	8.24	3.84

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**176**	**198**	**-10.8%**
Tài sản ngắn hạn	134	155	-13.4%
Tiền và tương đương tiền	3.84	17.1	-77.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	65.1	79.3%
Phải thu ngắn hạn	2.71	61.4	-95.6%
Hàng tồn kho	0.08	0.14	-39.1%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	11.3	-2.4%
Tài sản dài hạn	**41.9**	**42.5**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.26	11.6	-37.4%
Bất động sản đầu tư	34.2	0	
Tài sản dở dang	0	30.1	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.48**	**0.78**	**-38.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.90	16.2	-88.2%
Nợ ngắn hạn	**1.54**	**16.2**	**-90.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	4.98	-86.9%
Nợ dài hạn	0.36	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**174**	**181**	**-3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**174**	**181**	**-3.9%**
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)